QUẢN LÝ THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH ÁP DỤNG THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU: ĐÁNH GIÁ BƯỚC ĐẦU VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

ThS. Hoàng Minh Tùng[1]

Bài viết đánh giá công tác quản lý thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại Việt Nam sau gần ba năm áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu (thuế tối thiểu toàn cầu). Trên cơ sở số liệu kê khai thực tế năm tài chính 2024, diễn biến dòng vốn FDI giai đoạn 2023 - 9 tháng năm 2026 và gói hướng dẫn "song hành" (Side-by-Side) do Khung khổ hòa nhập (IF) của OECD/G20 ban hành tháng 01/2026, bài viết chỉ ra: (i) số thu thuế bổ sung vượt ước tính ban đầu nhưng tập trung vào một nhóm nhỏ doanh nghiệp; (ii) chưa ghi nhận sự suy giảm dòng vốn FDI sau khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu; (iii) hiệu quả kinh tế của các hình thức ưu đãi khác biệt rõ rệt theo cách thức xử lý trong công thức tính thuế suất hiệu dụng. Từ đó, bài viết đề xuất các giải pháp chuyển dịch chính sách ưu đãi từ dựa trên thu nhập sang dựa trên chi phí, tận dụng cơ chế "vùng an toàn" cho ưu đãi thuế gắn với hoạt động kinh tế thực chất và nâng cao hiệu quả vận hành Quỹ Hỗ trợ đầu tư.

• Từ khóa: *thuế tối thiểu toàn cầu, Trụ cột 2, ưu đãi đầu tư, thu hút FDI, Quỹ Hỗ trợ đầu tư.*

This article assesses the management of foreign direct investment (FDI) attraction in Vietnam after nearly three years of applying the top-up corporate income tax under the global anti-base erosion rules (the global minimum tax). Drawing on actual filing data for fiscal year 2024, FDI flows from 2023 to the first nine months of 2026, and the Side-by-Side package issued by the OECD/G20 Inclusive Framework in January 2026, the article finds that: (i) top-up tax revenue exceeded the initial estimate but is concentrated in a small group of enterprises; (ii) no decline in FDI inflows has been observed since the global minimum tax took effect; and (iii) the economic value of investment incentives differs markedly depending on how they are treated in the effective tax rate calculation. The article proposes shifting incentive policy from income-based to expenditure-based instruments, making use of the safe harbour for substance-based tax incentives, and improving the operation of the Investment Support Fund.

• *Key words: global minimum tax, Pillar Two, investment incentives, FDI attraction, Investment Support Fund.*

Ngày nhận bài: 11/10/2026
Ngày gửi phản biện: 15/10/2026
Ngày duyệt đăng: 29/10/2026

1. Giới thiệu

Trong hơn ba thập kỷ, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là công cụ chủ yếu trong chính sách thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam, với gói ưu đãi phổ biến gồm thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo; đối với dự án có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội, mức ưu đãi có thể lên tới thuế suất 5% trong 37 năm theo Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg. Khu vực FDI hiện có trên 45.400 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký khoảng 529,6 tỷ USD, đóng góp phần lớn kim ngạch xuất khẩu và là trụ cột của nhiều ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (Cục Đầu tư nước ngoài, 2026).

Thỏa thuận Giải pháp hai trụ cột do OECD/G20 thông qua năm 2021, trong đó Trụ cột 2 thiết lập mức thuế suất tối thiểu 15% đối với tập đoàn đa quốc gia có doanh thu hợp nhất từ 750 triệu EUR trở lên, đã làm thay đổi căn bản logic của chính sách ưu đãi dựa trên miễn, giảm thuế. Việt Nam đã chủ động nội luật hóa thông qua Nghị quyết số 107/2023/QH15 của Quốc hội, áp dụng thuế TNDN bổ sung từ năm tài chính 2024, đồng thời thành lập Quỹ Hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 182/2024/NĐ-CP để duy trì sức hấp dẫn của môi trường đầu tư.

Các nghiên cứu trong nước giai đoạn 2021 - 2024 chủ yếu dừng ở mức dự báo tác động trước khi chính sách được thực thi. Đến nay, ba yếu tố mới cho phép đánh giá thực chứng: (i) Việt Nam lần đầu có số liệu kê khai thuế bổ sung cho năm tài chính 2024; (ii) dòng vốn FDI đã có chuỗi số liệu gần ba năm sau khi chính sách có hiệu lực; (iii) tháng 01/2026, Khung khổ hòa nhập (IF) ban hành gói hướng dẫn "song hành" (Side-by-Side), bổ sung vùng an toàn đối với ưu đãi thuế gắn với hoạt động kinh tế thực chất, mở ra dư địa mới cho thiết kế chính sách ưu đãi. Bài viết tập trung trả lời ba câu hỏi: thuế tối thiểu toàn cầu đã tác động thế nào đến nguồn thu và dòng vốn FDI; hình thức ưu đãi nào còn giữ được giá trị kinh tế đối với nhà đầu tư; và công tác quản lý nhà nước về thu hút FDI cần điều chỉnh theo hướng nào.

[1] *Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Tài chính; email: hoangminhtung@mof.gov.vn*

2. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý luận

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Các nghiên cứu quốc tế về ưu đãi thuế trước khi có Trụ cột 2 cho thấy hiệu quả của ưu đãi dựa trên thu nhập (miễn thuế, giảm thuế suất) thường thấp hơn ưu đãi dựa trên chi phí (khấu hao nhanh, khấu trừ hoặc cấn trừ chi phí đầu tư), do ưu đãi dựa trên thu nhập chủ yếu mang lại lợi ích cho các dự án vốn đã có lợi nhuận cao và dễ bị lợi dụng để chuyển lợi nhuận (Zee và cộng sự, 2002; Klemm và Van Parys, 2012; James, 2013). Sau khi Trụ cột 2 được thống nhất, OECD (2022) và UNCTAD (2022) chỉ ra rằng phần lớn ưu đãi thuế TNDN tại các nước đang phát triển sẽ bị vô hiệu hóa đối với các tập đoàn thuộc phạm vi áp dụng, đồng thời khuyến nghị các nước rà soát, tái cơ cấu hệ thống ưu đãi. Johannesen (2022) và Hebous và Keen (2023) phân tích Trụ cột 2 như một cơ chế hạn chế "cuộc đua xuống đáy", trong đó các nước tiếp nhận đầu tư có thể cải thiện phúc lợi nếu chủ động áp dụng thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT). Devereux và cộng sự (2022) lưu ý rằng cạnh tranh thuế không mất đi mà chuyển sang các công cụ được xử lý thuận lợi hơn trong quy tắc GloBE, đặc biệt là khoản cấn trừ thuế có thể hoàn lại đạt chuẩn (QRTC) và trợ cấp trực tiếp.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu giai đoạn 2022 - 2024 tập trung phân tích nội dung quy tắc, dự báo số thu và kiến nghị xây dựng cơ chế hỗ trợ đầu tư. Hạn chế chung là thiếu số liệu thực thi và chưa cập nhật các điều chỉnh của OECD sau năm 2024. Khoảng trống này là cơ sở để bài viết đánh giá trên cơ sở số liệu thực tế và khung hướng dẫn mới nhất.

2.2. Cơ chế vận hành của Trụ cột 2

Quy tắc GloBE xác định thuế suất hiệu dụng (ETR) theo từng quốc gia, bằng tổng số thuế được tính (covered taxes) chia cho thu nhập theo GloBE của các đơn vị hợp thành tại quốc gia đó. Khi ETR thấp hơn 15%, phần thuế bổ sung bằng chênh lệch thuế suất nhân với lợi nhuận vượt trội, tức thu nhập GloBE sau khi trừ khoản khấu trừ thu nhập dựa trên hoạt động kinh tế thực chất (SBIE) tính theo tỷ lệ phần trăm chi phí tiền lương và giá trị tài sản hữu hình. Quyền thu phần thuế bổ sung được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên: nước tiếp nhận đầu tư thu trước thông qua QDMTT; nếu không, nước của công ty mẹ tối cao thu theo quy tắc tổng hợp thu nhập (IIR); quy tắc thu nhập chịu thuế thấp (UTPR) đóng vai trò dự phòng.

Điểm mấu chốt đối với thiết kế ưu đãi là cách mỗi công cụ được phản ánh vào công thức ETR. Khoản giảm thuế không hoàn lại làm giảm tử số, do đó làm tăng tương ứng thuế bổ sung. Ngược lại, khoản trợ cấp trực tiếp hoặc QRTC được ghi nhận là thu nhập (mẫu số), chỉ làm giảm nhẹ ETR, nên phần lớn giá trị được giữ lại cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, để QDMTT được công nhận là đạt chuẩn, quốc gia không được cung cấp "lợi ích có liên quan" đến QDMTT, tức không được hoàn trả cho doanh nghiệp đúng phần thuế bổ sung đã thu (OECD, 2023).

2.3. Gói hướng dẫn "song hành" tháng 01/2026

Ngày 05/01/2026, IF ban hành gói hướng dẫn Side-by-Side gồm: (i) vùng an toàn song hành, theo đó thuế bổ sung theo IIR và UTPR được coi bằng không đối với tập đoàn có công ty mẹ tối cao tại quốc gia có chế độ thuế được công nhận tương đương, hiện mới có Hoa Kỳ được ghi nhận với tư cách chuyển tiếp, trong khi QDMTT của nước tiếp nhận đầu tư vẫn được bảo lưu; (ii) vùng an toàn đối với ưu đãi thuế gắn với hoạt động kinh tế thực chất (SBTI), cho phép coi ưu đãi dựa trên chi phí thực tế phát sinh hoặc dựa trên sản lượng là thuế đã nộp, trong giới hạn bằng mức lớn hơn giữa 5,5% chi phí tiền lương đủ điều kiện và 5,5% chi phí khấu hao tài sản hữu hình (hoặc lựa chọn 1% giá trị ghi sổ tài sản hữu hình trong 5 năm); (iii) vùng an toàn ETR đơn giản hóa dựa trên số liệu báo cáo tài chính; (iv) gia hạn vùng an toàn chuyển tiếp dựa trên báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbCR) đến các năm tài chính bắt đầu trước 31/12/2027 (Holland & Knight, 2026). Như vậy, sau gần 5 năm, khung quy tắc đã thừa nhận trở lại vai trò của ưu đãi thuế, với điều kiện ưu đãi gắn với chi tiêu thực chất thay vì gắn với lợi nhuận.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp phân tích thống kê mô tả. Dữ liệu thứ cấp gồm: số liệu kê khai thuế bổ sung năm tài chính 2024 do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm 10/7/2026; số liệu FDI của Cục Đầu tư nước ngoài và Cục Thống kê (Bộ Tài chính) giai đoạn 2023 - 9 tháng năm 2026; văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam và hướng dẫn của OECD. Bài viết xây dựng mô hình mô phỏng tại cấp dự án để so sánh giá trị kinh tế ròng của các hình thức ưu đãi dưới tác động của quy tắc GloBE (Global Anti-Base Erosion Rules - Quy tắc chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu); các tham số mô phỏng là giả định minh họa của tác giả, nhằm làm rõ cơ chế tác động, không phản ánh số liệu của một doanh nghiệp cụ thể. Phương pháp so sánh được áp dụng để đối chiếu cách thức ứng phó của một số quốc gia trong khu vực.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Khung pháp lý về thuế tối thiểu toàn cầu và hỗ trợ đầu tư của Việt Nam

Khung pháp lý được hình thành theo hai trục song song. Trục thứ nhất là chính sách thu, gồm Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 áp dụng QDMTT và IIR từ năm tài chính 2024, và Nghị định số 236/2025/NĐ-CP ngày 29/8/2025 (có hiệu lực từ 15/10/2025) quy định chi tiết việc xác định, kê khai, nộp thuế bổ sung. Năm 2026, Bộ Tài chính tiếp tục xây dựng dự thảo sửa đổi Nghị quyết số 107/2023/QH15 (xử lý thuế bổ sung đối với các

dự án BOT điện có bảo lãnh Chính phủ, chuẩn hóa định nghĩa công ty mẹ tối cao) và dự thảo sửa đổi Nghị định số 236/2025/NĐ-CP nhằm tiếp thu gói Side-by-Side, trong đó đề xuất thuế bổ sung theo IIR bằng không đối với tập đoàn có công ty mẹ tối cao tại quốc gia được IF công nhận và kéo dài thời hạn nộp tờ khai thông tin năm đầu tiên. Trục thứ hai là chính sách chi, gồm Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư, áp dụng từ năm tài chính 2024, hỗ trợ bằng tiền cho doanh nghiệp công nghệ cao, dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao và trung tâm nghiên cứu và phát triển đáp ứng ngưỡng vốn từ 12.000 tỷ đồng hoặc doanh thu từ 20.000 tỷ đồng/năm (ngưỡng thấp hơn đối với chip bán dẫn và trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo). Các nội dung được hỗ trợ gồm chi phí đào tạo nhân lực (tối đa 50%), chi phí nghiên cứu và phát triển, chi phí đầu tư tài sản cố định, chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao và chi phí đầu tư công trình hạ tầng xã hội; khoản hỗ trợ không tính vào thu nhập chịu thuế TNDN (KPMG, 2025). Hội đồng quản lý Quỹ được thành lập theo Quyết định số 1511/QĐ-TTg ngày 11/7/2025 và được kiện toàn theo Quyết định số 1392/QĐ-TTg ngày 24/7/2026; đồng thời, Bộ Tài chính đang xây dựng nghị định thay thế Nghị định số 182/2024/NĐ-CP.

Có thể nhận định, Việt Nam đã chuyển từ thế bị động sang chủ động: thu phần thuế bổ sung tại nguồn thay vì để nước của công ty mẹ thu, đồng thời tái sử dụng một phần nguồn lực để hỗ trợ đầu tư theo chi phí. Tuy nhiên, khung pháp lý vẫn trong quá trình điều chỉnh liên tục, với ít nhất ba văn bản đang được sửa đổi đồng thời, đặt ra yêu cầu cao về tính ổn định và khả năng dự báo đối với nhà đầu tư.

4.2. Kết quả thực thi năm tài chính 2024

Tính đến ngày 10/7/2026, đã có 1.654 tập đoàn kê khai QDMTT và 23 tập đoàn kê khai IIR, số thuế TNDN bổ sung đã nộp ngân sách nhà nước đạt 15.973 tỷ đồng (Tạp chí Kinh tế - Tài chính, 2026). Trong khoảng 1.500 dự án thuộc diện kê khai, chưa đến 200 doanh nghiệp phát sinh nghĩa vụ nộp thuế bổ sung (VCCI, 2026).

Bảng 1: Kết quả thực thi thuế TNDN bổ sung năm tài chính 2024 so với ước tính ban đầu

Chỉ tiêu	Ước tính khi xây dựng chính sách (11/2023)	Kết quả thực tế (10/7/2026)
Số thu thuế bổ sung	Khoảng 14.600 tỷ đồng/năm	15.973 tỷ đồng
Đối tượng	122 tập đoàn đa quốc gia	1.654 tập đoàn kê khai QDMTT; 23 tập đoàn kê khai IIR
Doanh nghiệp phát sinh số thuế phải nộp	Chưa xác định	Chưa đến 200 doanh nghiệp
Số nộp bình quân của doanh nghiệp phát sinh nghĩa vụ	Chưa xác định	Khoảng 80 tỷ đồng trở lên (tính toán của tác giả)

Nguồn: VnEconomy (2023); Tạp chí Kinh tế - Tài chính (2026); VCCI (2026); tính toán của tác giả.

Kết quả trên cho thấy ba đặc điểm. Thứ nhất, số thu thực tế vượt khoảng 9,4% so với ước tính ban đầu, khẳng định tính đúng đắn của lựa chọn áp dụng QDMTT ngay từ năm 2024. Thứ hai, phạm vi nghĩa vụ kê khai rộng hơn nhiều so với dự báo (1.654 so với 122 tập đoàn), do mọi đơn vị hợp thành của tập đoàn thuộc phạm vi đều phải kê khai, kể cả khi không phát sinh số thuế phải nộp; điều này làm gia tăng đáng kể chi phí tuân thủ và khối lượng quản lý của cơ quan thuế. Thứ ba, nghĩa vụ nộp thuế tập trung cao, chưa đến 13,5% số dự án thuộc diện kê khai phát sinh số phải nộp, chủ yếu là các dự án quy mô lớn đang hưởng thuế suất ưu đãi 5% - 10%. Đây chính là nhóm nhà đầu tư "đầu tàu" mà chính sách hỗ trợ đầu tư hướng tới.

4.3. Diễn biến dòng vốn FDI sau khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu

Bảng 2: Vốn FDI vào Việt Nam giai đoạn 2023 - 9 tháng năm 2026

Năm	Tổng vốn đăng ký (tỷ USD)	Vốn thực hiện (tỷ USD)	Tăng/giảm vốn thực hiện (%)
2023	36,61	23,18	+3,5
2024	38,23	25,35	+9,4
2025	38,4	27,6	+9,0
9 tháng năm 2026	50,36	21,07	+12,1

Nguồn: Cục Thống kê, Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Tài chính) qua các năm; số liệu 9 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025.

Số liệu cho thấy, trái với lo ngại khi xây dựng chính sách về nguy cơ dịch chuyển đầu tư, dòng vốn FDI không suy giảm sau khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu. Vốn thực hiện tăng liên tục, năm 2025 đạt khoảng 27,6 tỷ USD, cao nhất trong 5 năm; 9 tháng năm 2026, tổng vốn đăng ký đạt 50,36 tỷ USD, tăng 76,4% so với cùng kỳ, vốn thực hiện đạt 21,07 tỷ USD, tăng 12,1%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 82,6% vốn thực hiện (Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ, 2026). Tuy nhiên, cơ cấu dòng vốn có sự thay đổi đáng chú ý: năm 2025, vốn đăng ký mới giảm 12,2% trong khi vốn góp, mua cổ phần tăng 54,8% (Thời báo Tài chính Việt Nam, 2026). Do dòng vốn FDI chịu tác động đồng thời của nhiều yếu tố như chuyển dịch chuỗi cung ứng, căng thẳng thương mại và cải cách thể chế trong nước, bài viết không khẳng định quan hệ nhân quả; song có thể kết luận rằng thuế tối thiểu toàn cầu chưa phải là yếu tố quyết định đối với dòng vốn tổng thể, phù hợp với nhận định của cơ quan thuế rằng nguồn thu bổ sung không tác động tiêu cực đến dòng vốn đầu tư (VCCI, 2026). Tác động, nếu có, sẽ biểu hiện ở cấp dự án lớn, trong quyết định mở rộng hoặc lựa chọn địa điểm cho các khoản đầu tư mới của tập đoàn đa quốc gia, và cần được theo dõi trong trung hạn.

4.4. Mô phỏng giá trị kinh tế của các hình thức ưu đãi

Để làm rõ cơ chế tác động, bài viết mô phỏng một dự án giả định có thu nhập GloBE 1.000 tỷ đồng, thuế suất ưu đãi 10%, chi phí tiền lương đủ điều kiện 500 tỷ đồng, khấu hao tài sản hữu hình 600 tỷ đồng, khoản SBIE giả định 100 tỷ đồng. Ở kịch bản gốc, ETR bằng 10%, thuế bổ sung bằng 5% × 900 = 45 tỷ đồng. Nhà nước dự kiến dành cho

dự án một khoản ưu đãi trị giá danh nghĩa 50 tỷ đồng theo các hình thức khác nhau.

Bảng 3: Mô phỏng giá trị ròng của khoản ưu đãi 50 tỷ đồng dưới tác động của quy tắc GloBE

Hình thức ưu đãi	ETR sau ưu đãi (%)	Thuế bổ sung (tỷ đồng)	Thuế bổ sung tăng thêm (tỷ đồng)	Giá trị ròng giữ lại (%)
Giảm thuế suất hoặc cấn trừ thuế không hoàn lại	5,0	90,0	45,0	10,0
Hỗ trợ bằng tiền hoặc QRTC (ghi nhận vào thu nhập)	9,5	52,0	7,0	86,0
Cấn trừ thuế đủ điều kiện vùng an toàn SBTI (trần 5,5% × 600 = 33 tỷ đồng)	8,3	60,3	15,3	69,4

Nguồn: Mô phỏng của tác giả dựa trên Quy tắc mẫu GloBE (OECD, 2021) và gói hướng dẫn Side-by-Side (01/2026). Giả định thuế bổ sung được thu tại Việt Nam qua QDMTT; khoản hỗ trợ bằng tiền không chịu thuế TNDN nội địa.

Kết quả mô phỏng cho thấy, cùng một khoản ưu đãi danh nghĩa, giá trị ròng doanh nghiệp được hưởng dao động từ 10% đến 86%. Ưu đãi dựa trên thu nhập gần như bị vô hiệu hóa hoàn toàn, khoản ưu đãi chủ yếu chuyển thành số thuế bổ sung mà Nhà nước thu lại. Hỗ trợ bằng tiền hoặc QRTC giữ được giá trị cao nhất, nhưng đòi hỏi nguồn chi ngân sách thực tế và phải được thiết kế độc lập với số thuế bổ sung đã nộp để tránh bị coi là "lợi ích có liên quan", làm mất tư cách đạt chuẩn của QDMTT. Vùng an toàn SBTI tạo ra lựa chọn trung gian: không phát sinh dòng tiền chi ngân sách, giữ được khoảng 70% giá trị ưu đãi, đồng thời gắn trực tiếp mức ưu đãi với quy mô lao động và tài sản hữu hình, phù hợp với định hướng thu hút đầu tư có chất lượng.

4.5. Kinh nghiệm ứng phó của một số quốc gia trong khu vực

Các nền kinh tế cạnh tranh trực tiếp với Việt Nam trong thu hút FDI đều áp dụng QDMTT từ năm 2025 (Singapore, Thái Lan, Malaysia, Indonesia), tức chậm hơn Việt Nam một năm, đồng thời triển khai các công cụ hỗ trợ dựa trên chi phí. Singapore ban hành khoản cấn trừ đầu tư có hoàn lại (RIC), hỗ trợ tới 50% chi phí đủ điều kiện của dự án trong thời gian tối đa 10 năm, phần chưa cấn trừ hết được hoàn trả bằng tiền trong vòng 4 năm, được thiết kế để đáp ứng tiêu chí QRTC (BDO, 2024). Thái Lan áp dụng thuế bổ sung từ 01/01/2025 và dự kiến chuyển một phần số thu vào quỹ tăng cường năng lực cạnh tranh do Ủy ban Đầu tư (BOI) quản lý để hỗ trợ ngành công nghệ cao (Legal 500, 2025). Điểm chung là các nước đều tách bạch giữa nguồn thu thuế bổ sung và cơ chế hỗ trợ, ưu tiên hỗ trợ theo chi phí, giải ngân theo kết quả thực hiện; trong đó Singapore có lợi thế nhờ năng lực tài khóa mạnh và quy trình xét duyệt tập trung qua một đầu mối.

5. Thảo luận

Từ các kết quả trên, có thể rút ra một số nhận định về công tác quản lý thu hút FDI trong bối cảnh mới. Một là, thuế tối thiểu toàn cầu đã chuyển trọng tâm cạnh tranh thu hút đầu tư từ "mức thuế phải nộp" sang "mức chi phí thực tế và chất lượng môi trường đầu tư"; các yếu tố phi thuế như hạ tầng, nhân lực, thủ tục hành chính, năng lượng và tính ổn định của chính sách trở thành yếu tố quyết định. Hai là, Việt Nam đã đạt mục tiêu bảo vệ cơ sở thuế, nhưng cơ chế "tái sử dụng" nguồn thu để hỗ trợ đầu tư còn chậm: Nghị định số 182/2024/NĐ-CP áp dụng từ năm tài chính 2024, song đến nay bộ máy quản lý Quỹ mới được kiện toàn và văn bản thay thế đang được xây dựng, trong khi các nước trong khu vực đã có công cụ vận hành. Độ trễ giữa thời điểm doanh nghiệp nộp thuế bổ sung và thời điểm nhận hỗ trợ làm giảm hiệu quả tín hiệu chính sách đối với nhà đầu tư. Ba là, hệ thống ưu đãi đầu tư hiện hành vẫn chủ yếu dựa trên thu nhập; với các tập đoàn thuộc phạm vi Trụ cột 2, phần lớn giá trị ưu đãi đã chuyển thành nguồn thu ngân sách thông qua QDMTT, trong khi Nhà nước vẫn phải duy trì chi phí quản lý ưu đãi và gánh chịu rủi ro tranh chấp về bảo đảm đầu tư. Bốn là, gói Side-by-Side vừa tạo dư địa mới thông qua vùng an toàn SBTI, vừa đặt ra yêu cầu điều chỉnh do QDMTT của Việt Nam vẫn được bảo lưu đối với tập đoàn Hoa Kỳ, còn các tập đoàn từ các quốc gia khác tiếp tục chịu đầy đủ quy tắc GloBE, dẫn đến sự khác biệt về gánh nặng tuân thủ giữa các nhóm nhà đầu tư.

6. Một số giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thu hút FDI

Thứ nhất, tái cơ cấu hệ thống ưu đãi đầu tư theo hướng phân tầng đối tượng. Đối với tập đoàn thuộc phạm vi Trụ cột 2, chuyển trọng tâm từ ưu đãi dựa trên thu nhập sang ưu đãi dựa trên chi phí, gắn với chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển, đào tạo nhân lực, đầu tư tài sản hữu hình và sản lượng sản phẩm công nghệ cao; đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp trong nước không thuộc phạm vi, tiếp tục duy trì ưu đãi miễn, giảm thuế phù hợp. Việc rà soát cần được tiến hành đồng bộ giữa Luật Đầu tư, Luật Thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn, khắc phục tình trạng ưu đãi phân tán ở nhiều văn bản.

Thứ hai, nghiên cứu thiết kế khoản cấn trừ thuế dựa trên chi phí đáp ứng tiêu chí vùng an toàn SBTI, với mức cấn trừ được hiệu chỉnh trong giới hạn 5,5% chi phí tiền lương hoặc khấu hao tài sản hữu hình. Công cụ này không phát sinh dòng tiền chi ngân sách, giữ được phần lớn giá trị ưu đãi và có thể áp dụng bình đẳng cho mọi nhà đầu tư đáp ứng tiêu chí, qua đó giảm áp lực chi của Quỹ Hỗ trợ đầu tư. Trong quá trình thiết kế cần bám sát các hướng dẫn tiếp theo của IF để bảo đảm tính đạt chuẩn.

Thứ ba, nâng cao hiệu quả vận hành Quỹ Hỗ trợ đầu tư. Sớm ban hành nghị định thay thế Nghị định số 182/2024/NĐ-CP; xác lập quy trình xét duyệt rõ ràng, thời hạn giải ngân cụ thể; bảo đảm nguồn vốn

của Quỹ được bố trí độc lập, không xác định theo tỷ lệ trên số thuế bổ sung mà từng doanh nghiệp đã nộp, nhằm tránh rủi ro bị coi là "lợi ích có liên quan"; xem xét bổ sung cơ chế hoàn lại tương tự QRTC đối với các dự án chiến lược để tăng tính cạnh tranh so với các nước trong khu vực.

Thứ tư, hoàn thiện cơ chế quản lý thuế đối với tập đoàn đa quốc gia. Triển khai vùng an toàn ETR đơn giản hóa và tiếp thu kịp thời gói Side-by-Side nhằm giảm chi phí tuân thủ cho hơn 1.600 tập đoàn thuộc diện kê khai nhưng không phát sinh số thuế phải nộp; tăng cường kết nối dữ liệu giữa cơ quan thuế và cơ quan quản lý đầu tư, khai thác hiệu quả cơ chế trao đổi thông tin tự động và báo cáo lợi nhuận liên quốc gia; nâng cao năng lực đội ngũ công chức trong lĩnh vực thuế quốc tế.

Thứ năm, tăng cường các yếu tố phi thuế trong thu hút FDI, bao gồm phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật cao, đặc biệt trong lĩnh vực bán dẫn và trí tuệ nhân tạo; bảo đảm cung ứng năng lượng ổn định; đẩy mạnh cải cách thủ tục đầu tư theo hướng một đầu mối; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước nhằm nâng cao giá trị gia tăng nội địa.

Thứ sáu, bảo đảm tính ổn định, minh bạch và khả năng dự báo của chính sách. Các văn bản sửa đổi liên quan đến thuế tối thiểu toàn cầu cần được ban hành đồng bộ, có lộ trình và quy định chuyển tiếp rõ ràng; xử lý thỏa đáng các cam kết bảo đảm đầu tư đối với dự án đã được cấp ưu đãi trước năm 2024 theo hướng hài hòa lợi ích, phù hợp với cam kết quốc tế; định kỳ công bố đánh giá tác động của chính sách để nhà đầu tư chủ động kế hoạch kinh doanh.

7. Kết luận

Sau gần ba năm thực thi, thuế tối thiểu toàn cầu chưa làm suy giảm dòng vốn FDI vào Việt Nam, đồng thời mang lại nguồn thu bổ sung gần 16.000 tỷ đồng cho năm tài chính đầu tiên, vượt ước tính ban đầu. Tuy nhiên, chính sách ưu đãi dựa trên thu nhập đã mất phần lớn giá trị đối với nhóm tập đoàn đa quốc gia quy mô lớn, trong khi công cụ thay thế là Quỹ Hỗ trợ đầu tư chưa phát huy tác dụng trên thực tế. Gói hướng dẫn Side-by-Side năm 2026 mở ra cơ hội để Việt Nam thiết kế lại hệ thống ưu đãi theo hướng gắn với hoạt động kinh tế thực chất. Việc chuyển dịch kịp thời từ ưu đãi dựa trên thu nhập sang ưu đãi dựa trên chi phí, kết hợp vận hành hiệu quả Quỹ Hỗ trợ đầu tư và cải thiện các yếu tố phi thuế, là điều kiện để Việt Nam vừa bảo vệ cơ sở thuế, vừa duy trì vị thế cạnh tranh trong thu hút đầu tư có chọn lọc, chất lượng cao giai đoạn 2026 - 2030.

Tài liệu tham khảo:

BDO (2024), Singapore: New refundable investment credit scheme to offset impact of Pillar Two rules.

Chính phủ (2024), Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư.

Chính phủ (2025), Nghị định số 236/2025/NĐ-CP ngày 29/8/2025 quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 107/2023/QH15.

Cục Đầu tư nước ngoài (2026), Báo cáo tình hình thu hút đầu tư nước ngoài năm 2025, Bộ Tài chính.

Devereux, M., Vella, J., Wardell-Burrus, H. (2022), Pillar 2: Rule order, incentives, and tax competition, Oxford University Centre for Business Taxation.

Hebous, S., Keen, M. (2023), Pareto-improving minimum corporate taxation, Journal of Public Economics, 225.

Holland & Knight (2026), OECD Pillar Two Side-by-Side Safe Harbor Package.

James, S. (2013), Effectiveness of tax and non-tax incentives and investments: Evidence and policy implications, World Bank.

Johannesen, N. (2022), The global minimum tax, Journal of Public Economics, 212.

Klemm, A., Van Parys, S. (2012), Empirical evidence on the effects of tax incentives, International Tax and Public Finance, 19(3).

KPMG Việt Nam (2025), Bản tin về Nghị định số 182/2024/NĐ-CP về Quỹ Hỗ trợ đầu tư.

OECD (2021), Tax Challenges Arising from the Digitalisation of the Economy - Global Anti-Base Erosion Model Rules (Pillar Two).

OECD (2022), Tax Incentives and the Global Minimum Corporate Tax: Reconsidering Tax Incentives after the GloBE Rules.

OECD (2023), Administrative Guidance on the Global Anti-Base Erosion Model Rules (Pillar Two).

Quốc hội (2023), Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

Tạp chí Kinh tế - Tài chính (2026), Thuế tối thiểu toàn cầu đóng góp gần 16.000 tỷ đồng cho ngân sách, ngày 05/8/2026.

Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ (2026), 9 tháng năm 2026, FDI thực hiện đạt 21,07 tỷ USD, cao nhất 5 năm, ngày 03/10/2026.

Thời báo Tài chính Việt Nam (2026), FDI năm 2025 giữ nhịp tăng trưởng trong bối cảnh nhiều biến động, ngày 12/01/2026.

UNCTAD (2022), World Investment Report 2022: International Tax Reforms and Sustainable Investment.

VCCI (2026), Chưa đến 200 doanh nghiệp FDI tại Việt Nam nộp thuế tối thiểu toàn cầu, ngày 29/9/2026.

VnEconomy (2023), Việt Nam sẽ thu thêm 14.600 tỷ mỗi năm khi áp thuế tối thiểu toàn cầu, ngày 20/11/2023.

Zee, H. H., Stotsky, J. G., Ley, E. (2002), Tax incentives for business investment: A primer for policy makers in developing countries, World Development, 30(9).